

THÔNG TƯ
Quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các điều kiện ngừng, giảm mức cung cấp điện; trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hoạt động điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị phân phối điện.
2. Đơn vị phân phối và bán lẻ điện.
3. Khách hàng sử dụng điện.
4. Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
5. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *An ninh hệ thống điện* là khả năng nguồn điện đảm bảo cung cấp điện đáp ứng nhu cầu phụ tải điện tại một thời điểm hoặc một khoảng thời gian xác định có xét đến các ràng buộc trong hệ thống điện.

2. *Bên bán điện* là đơn vị điện lực thực hiện ngừng và cấp điện trở lại, bao gồm: Đơn vị phân phối điện, Đơn vị phân phối và bán lẻ điện.

3. *Bên mua điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng hoặc để bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện, bao gồm:

a) Đơn vị phân phối và bán lẻ điện;

b) Khách hàng sử dụng điện.

4. *Đơn vị phân phối điện* là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán điện, bao gồm:

a) Tổng công ty Điện lực;

b) Công ty Điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Công ty Điện lực tỉnh) trực thuộc Tổng công ty Điện lực;

c) Công ty Điện lực cấp quận, huyện trực thuộc Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Đơn vị phân phối và bán lẻ điện* là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện, mua buôn điện từ Đơn vị phân phối điện để bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện.

6. *Giảm mức cung cấp điện* là việc giảm cung cấp công suất, sản lượng điện so với mức công suất, sản lượng đã thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện đã ký.

7. *Khách hàng sử dụng điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng, không bán lại cho tổ chức, cá nhân khác.

8. *Khách hàng sử dụng điện quan trọng* là khách hàng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện, được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định căn cứ vào tầm quan trọng về chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng.

9. *Sự kiện bất khả kháng* là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà bên bán điện không thể kiểm soát được, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 4. Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Mọi trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo trước cho bên mua điện, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Điện lực và Điều 6 Thông tư này.

2. Nội dung thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện bao gồm:

- a) Địa điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện; mức công suất giảm hoặc khả năng cung cấp tối đa trong trường hợp giảm mức cung cấp điện;
- b) Lý do ngừng, giảm mức cung cấp điện;
- c) Thời gian bắt đầu ngừng, giảm mức cung cấp điện;
- d) Thời điểm dự kiến đóng điện trở lại hoặc bảo đảm mức cung cấp điện bình thường.

3. Người của bên bán điện ký thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện phải là một trong những người sau:

- a) Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của bên bán điện;
- b) Người giữ chức danh được ủy quyền ký thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

4. Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện được thực hiện bằng một trong các hình thức: văn bản, điện báo, điện thoại, fax, tin nhắn (SMS), thư điện tử (email), các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức liên lạc khác do hai bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng mua bán điện.

Chương II

CÁC ĐIỀU KIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 5. Ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp

Bên bán điện ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp trong các trường hợp sau:

- 1. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch của bên bán điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện, điều hoà, hạn chế phụ tải do thiếu nguồn điện và các nhu cầu khác theo kế hoạch.
- 2. Ngừng cấp điện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan trong trường hợp để đảm bảo an toàn phục vụ thi công các công trình.
- 3. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo yêu cầu của bên mua điện.

Điều 6. Ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp

Bên bán điện ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp trong các trường hợp sau:

- 1. Có sự cố xảy ra trên lưới điện cấp điện cho bên mua điện; sự cố trong hệ thống điện gây mất điện mà bên bán điện không kiểm soát được.

2. Có nguy cơ gây sự cố, mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện.

3. Hệ thống điện thiếu công suất dẫn đến đe dọa an ninh hệ thống điện.

4. Có sự kiện bất khả kháng.

Điều 7. Ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật

Bên bán điện được ngừng cấp điện trong các trường hợp sau:

1. Bên mua điện có hành vi vi phạm quy định tại:

a) Các khoản 1, 4, 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 7 Luật Điện lực (Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện);

b) Điểm a và điểm b khoản 2 Điều 46; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Điện lực.

2. Bên mua điện không thực hiện thanh toán tiền điện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

3. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện biện pháp cưỡng chế ngừng cấp điện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sau đây viết tắt là Nghị định số 134/2013/NĐ-CP).

4. Bên mua điện không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, không duy trì biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

Chương III

TRÌNH TỰ NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 8. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp

1. Trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp, bên bán điện phải thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày, bằng hình thức cụ thể như sau:

a) Gửi thông báo bằng văn bản hoặc thông báo bằng hình thức khác đã được hai bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện cho khách hàng có sản lượng mua điện trung bình trên 100.000kWh/tháng và khách hàng sử dụng điện quan trọng biết;

b) Thông báo trong 03 ngày liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác đã được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện đối với các khách hàng còn lại. Trong đó thời điểm thông báo đầu tiên phải đảm bảo trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày.

2. Sau khi thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện có trách nhiệm tiến hành ngừng, giảm mức cung cấp điện theo đúng nội dung đã thông báo.

Trường hợp không thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện theo nội dung đã thông báo, bên bán điện có trách nhiệm thông báo lại cho bên mua điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ.

3. Trường hợp bên mua điện có đề nghị thay đổi thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện đã được thông báo thì phải trao đổi với bên bán điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 48 giờ. Bên bán điện có trách nhiệm xem xét, giải quyết đề nghị của bên mua điện, cụ thể như sau:

a) Trường hợp không thể thay đổi việc ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện vẫn được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch nhưng phải thông báo lại cho bên mua điện và nêu rõ lý do trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ;

b) Trường hợp chấp nhận thay đổi thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo trước cho bên mua điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ.

4. Sau khi tiến hành ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải ghi đầy đủ thời gian, nội dung, trình tự thao tác ngừng, giảm mức cung cấp điện vào sổ nhật ký công tác hoặc nhật ký vận hành.

5. Bên bán điện phải cấp điện trở lại theo đúng thời hạn đã thông báo. Trường hợp thời gian cấp điện trở lại bị chậm so với thời gian đã thông báo từ 01 giờ trở lên, bên bán điện phải thông báo cho khách hàng có sản lượng mua điện trung bình trên 100.000kWh/tháng và khách hàng sử dụng điện quan trọng biết thời gian cấp điện trở lại bằng điện thoại hoặc hình thức thông báo khác do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

6. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Thông tư này, trình tự ngừng cấp điện hoặc giảm mức cung cấp điện quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này chỉ tiến hành sau khi bên yêu cầu ngừng cấp điện đã thanh toán đủ cho bên bán điện các chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

Điều 9. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp